

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+BK4+P2	7:25	20+1+1	0+0+0		16+0+6	0+0+0	Chuyen 2 Bk4-P2
2		BK10+P8	7:25	19+3	0+0		16+5	0+0	
3		MRM+BK10+CTK3	9:25	6+11+2	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
4		MRM+RP3+RCDM	9:25	22+0+0	0+0+0		18+2+0	0+0+0	Chuyen 2 RP3-RCM
5		BK6+P1+TD5	11:25	13+6+2	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
6		TD2+PVD1+BK3	11:25	7+7+4	0+0+0		3+12+7	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 ng P2 về bờ đi BK3

2/ 1 ng RP2 đi, 3 ng về qua TD2

3 2 ng P9 đi qua TD5

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD1 - BK4 - P2	CREW: QViệt - MTHAO - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KENNETH THOMAS MORGAN	PVD1	37-39	3	17		80	JVPC	British
2	ĐỖ VĂN HOÀNG	PVD1	29	1	5		74	PVDD	Vietnamese
3	ĐỖ THANH TÙNG	PVD1	20	1	10		69	PVD DD	Vietnamese
4	BENJAMIN ANDREW SMIT	PVD1	19	1	7		108	PVD DD	Australian
5	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD1	17	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN PHÚC	PVD1	35	1	12		75	PVDO	Vietnamese
7	PHẠM ANH TUẤN	PVD1	36	1	7		88	PVD DD	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD1	34	1	7	18	59	PVDO	Vietnamese
9	LƯU VĂN LỢI	PVD1	23-24	2	15		72	PVDO	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD1	15	1	8		68	PVDO	Vietnamese
11	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD1	18	1	8		65	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DŨNG	PVD1	30	1	5		70	PVDO	Vietnamese
13	TRẦN THẾ ĐĂNG	PVD1	22	1	12		80	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	21	1	5		71	PVDO	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	PVD1	25	1	15		75	PVDO	Vietnamese
16	TRẦN TỬ LONG	PVD1	26	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	PVD1	31	1	10		75	PSV	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN TIẾN	PVD1	27-28	2	12		61	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD1	16	1	10		57	PSV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUẤN	PVD1	32-33	2	14		60	OBS	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LỘC	BK4	87	1	10	31	65	XAYLAP	Vietnamese
22	DƯƠNG HOÀNG HIẾU	P2	13-15	3	17	45	78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

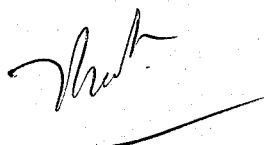
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	20	25	190	1.446	18	16		CHUYEN 2 PAX BK4-P2
2	BK4	1	1	10	65	31	0+2		
3	P2	1	3	17	78	45	6		
TOTAL		22	29	217	1.589	94	22		
WEIGHT KG				217	1.589	94			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/04/2023	TO: BK10 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cương - THỤ	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO PAVEL	BK10	26	1	12		110	KHOAN	Russian
2	NGUYEN THANH HIEU	BK10	22-23	2	12	40	85	KHOAN	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH TRUNG	BK10	43	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
4	VU MINH TU	BK10	21	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LỘC	BK10	20	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CONG TAM	BK10	18	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỮU SƠN	BK10	15	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH SƠN	BK10	16-17	2	13		80	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH NGOC BINH	BK10	25	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ TIẾN ĐƯƠNG	BK10	35	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
11	VU MẠNH HAI	BK10	27	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
12	VĂN ĐÌNH QUANG	BK10	36-37	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN KHANG	BK10	19	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN LAP QUOC	BK10	14	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN NGOC AN	BK10					68	KHOAN	Vietnamese
16	VU VAN QUYNH	BK10	34	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG TRUNG THONG	BK10	24	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THE NHU	BK10	28-29	2	9		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN BA HUNG	BK10	41	1	6		75	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VU NHẬT QUANG	P8	34	1	18		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH KIẾT	P8	35	1	12	9	70	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ HUY	P8	36-37	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	19	22	137	1.389	40	16		
2	P8	3	4	49	205	9	5		
TOTAL		22	26	186	1.594	49	21		
WEIGHT KG				186	1.594	49			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: MRM - BK10 - CTK3	CREW: QViệt - MTHAO - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PAVLIUK VITALII	MRM	83-84	2	15		96	AMNGR	Russian
2	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	86	1	12		88	AMNGR	Russian
3	IAMASHEV ALBERT	MRM	85	1	13		74	AMNGR	Russian
4	LOGANOV VITALII	MRM	81	1	14		94	AMNGR	Russian
5	KUCHMII EGOR	MRM	80	1	14		100	AMNGR	Russian
6	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	82	1	7		95	AMNGR	Russian
7	STESHIN VALERIY	MRM	87	1	18		165	KHOAN	Russian
8	LUU DINH MINH	BK10	48-49	2	20		76	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG THANH MINH	BK10	30,42	2	10		61	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CUONG	BK10					82	KHOAN	Vietnamese
11	LE MANH THANG	BK10	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUC	BK10	32	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
13	DANG MINH TUAN	BK10	31	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN QUYET	BK10	47	1	10		88	KHOAN	Vietnamese
15	LE HUU HAU	BK10	46	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN DU	BK10	33	1	7		60	DVL	Vietnamese
17	PHAM DUC MINH	BK10	44	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
18	REMENNIOV FEDOR	BK10	50	1	11		94	KHOAN	Russian
19	DUONG QUOC VU	CTK3					70	SAN BAY	Vietnamese
20	THAI QUANG HUY	CTK3	32-33	2	12		65	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	8	93	712	0	1		
2	BK10	11	12	101	827	0	17		
3	CTK3	2	2	12	135	0	4		
TOTAL		20	22	206	1.674	0	22		
WEIGHT KG				206	1.674	0			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/04/2023	TO: MRM - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BEKESHEV TROLBEK	MRM	30-31	2	15		78	AMNGR	Russian
2	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	26-27	2	17		79	AMNGR	Russian
3	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	28-29	2	14	15	94	AMNGR	Russian
4	KRUGLOV OLEG	MRM	42-43	2	18		76	AMNGR	Russian
5	BUI MANH PHUC	MRM	53	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	VILISOV VIACHESLAV	MRM	24-25	2	13		65	AMNGR	Russian
7	DOBRYNIN PAVEL	MRM	36	1	15		110	AMNGR	Russian
8	KIRILLOV MAKAR	MRM	32-33	2	16		72	AMNGR	Russian
9	CHEKALKIN ALEKSANDR	MRM	34-35	2	11		73	AMNGR	Russian
10	CHIRKIN DANIIL	MRM	40-41	2	10		60	AMNGR	Russian
11	LE VAN HUY	MRM	39	1	10		66	HONG HA	Vietnamese
12	HÔ TRI	MRM	54	1	11		63	HONG HA	Vietnamese
13	NGUYEN VIET THAI	MRM	45	1	5		55	HONG HA	Vietnamese
14	TA THAI DUONG	MRM	46	1	5		65	HONG HA	Vietnamese
15	LUONG NGOC HOANG	MRM	44	1	6		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	MRM	37-38	2	10		67	DVL	Vietnamese
17	TRUONG QUOC THANG	MRM	50-51	2	19		76	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM(KS)	MRM	55	1	15		70	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TINH	MRM	52-53	2	19		65	DVL	Vietnamese
20	LE VAN THANG	MRM	47	1	11		70	DVL	Vietnamese
21	PHAN ĐANG TUAN	MRM	48	1	18		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	21	32	265	1.516	15	18		CHUYEN 2 RP3-RCDM
2	RP3	0	0	0	0	0	2	2	
3	RCDM	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	32	265	1.516	15	20		
WEIGHT KG				265	1.516	15			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

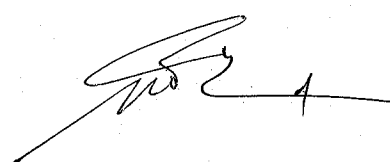
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	TO: BK6 - P1 - TD5	CREW: Hạnh - NPhú - MQUÂN	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ HOANG NAM	BK6	29	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN KIM PHI HUNG	BK6	30	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VIỆT HÙNG	BK6	31-32	2	19	32	70	XAYLAP	Vietnamese
4	KIỀU HAI DUƠNG	BK6	18	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN TUẤN	BK6	14-15	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY GIANG	BK6	22	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
7	HA VĂN ĐỨC	BK6	23-24	2	11		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH TÂM	BK6	19	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐOAN	BK6	20	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN HOANG	BK6	16-17	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN CHINH	BK6	25	1	15	15	72	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÌNH ĐỨC VƯƠNG	BK6	27-28	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VIET ANH	BK6	21	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HẢI	P1	05	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH NHÀ	P1	07-08	2	16		70	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN QUÂN	P1	04	1	3		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	09	1	10		64	PSV	Vietnamese
18	PHẠM PHÚ BÌNH	P1	06	1	5	8	65	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HUY	P1	10	1	8		82	PSV	Vietnamese
20	DUƠNG VĂN QUÂN	TD5	19-20	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN BÌNH TRỌNG	TD5	21	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	13	18	180	889	47	0		
2	P1	6	7	55	417	8	11		
3	TD5	2	3	27	150	0	11		
TOTAL		21	28	262	1.456	55	22		
WEIGHT KG				262	1.456	55			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/04/2023	TO: TD2 - PVD1 - BK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - DTùng	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU TUÂN ANH	TD2	67-68	2	15		85	DVL	Vietnamese
2	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD2	72	1	15	52	79	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG	TD2	74	1	10		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD2	69-70	2	15		83	DVL	Vietnamese
5	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD2	73	1	12		70	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HIỆP	TD2	71	1	14		75	DVL	Vietnamese
7	ĐỖ MINH HỘI	TD2	77	1	8		68	PSV	Vietnamese
8	TRẦN MINH KHOA	PVD1	44-45	2	14		82	OBS	Vietnamese
9	TRẦN VĂN MẠNH	PVD1	48	1	13		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ TUÂN	PVD1	14	1	15		70	DVL	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN THAI	PVD1	49	1	11		66	DVL	Vietnamese
12	PHẠM TÙNG VY	PVD1	43	1	12		67	DVL	Vietnamese
13	DƯƠNG THẾ ĐỨC	PVD1	46-47	2	14		75	DVL	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG CHIẾN	PVD1	50	1	15		80	DVL	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG DIỆN	BK3	65	1	5	85	69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN BẢO TOÀN 70/2/10	BK3	64	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC DUY	BK3	62	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI VĂN BÌNH	BK3	63	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	9	89	535	52	3		Chuyển hàng 20kg từ TD2 sang PVD1
2	PVD1	7	9	94	510	0	12		
3	BK3	4	4	31	277	85	7		
TOTAL		18	22	214	1.322	137	22		
WEIGHT KG				214	1.322	137			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN